

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-ST

Ngày: 09/6/2022.

“V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
Ông: Đặng Thanh Cao;
Bà Quang Kim Cúc.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Vân An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 09 tháng 06 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-DS, ngày 09 tháng 02 năm 2022, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26A/2022/QĐST-DS ngày 06/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 357A/2022/QĐST-DS ngày 26/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trần T**, Sinh năm: 1957; Địa chỉ: Lê Văn M, Tổ, khóm Mỹ T, phường Mỹ P, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp; Tạm trú: Số nhà, Khóm, tt Lai V, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- Bị đơn: **Nguyễn Anh T1**, sinh năm 1957; Địa chỉ:, KDC Khóm , tt Lai V , huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/12/2021; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng, ngày 28/3/2022 và tại phiên tòa Nguyên đơn ông Trần T trình bày: Vào ngày 07 tháng 12 năm 2017 ông Nguyễn Anh T1 có vay của ông Trần T số tiền 20.000.000 đồng; Ngày 29 tháng 12 năm 2017 ông T1 có thêm số

tiền là 3.000.000 đồng; Ngày 02 tháng 3 năm 2018 ông T1 có thêm số tiền là 10.000.000 đồng. Cả 03 lần vay tiền ông T1 đều có làm Biên nhận và có ký tên; ghi rõ họ và tên vào Biên nhận. Thời hạn vay thỏa thuận miệng là đến ngày 02/4/2018 sẽ trả vốn và lãi, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, vay không có thế chấp tài sản. Mục đích của ông T1 vay tiền là để đáo hạn Ngân hàng. Từ khi vay đến nay ông T1 có trả lãi cho ông T được số tiền là 5.400.000 đồng, còn tiền vốn thì ông T1 chưa trả. Ông Trần T đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Anh T1 trả số tiền trên nhưng ông T1 không thực hiện trả nợ. Vì vậy Trần T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Anh T1 trả cho ông Trần T số tiền vốn là vay 33.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền vốn 23.000.000 đồng là 10.117.700 đồng (tính từ 29/12/2017 đến ngày 29/5/2022 là 53 tháng, lãi suất là 0,83%/tháng); tiền lãi của số tiền vốn 10.000.000 đồng là 4.150.000 đồng (tính từ 02/4/2018 đến ngày 02/6/2022 là 50 tháng, lãi suất là 0,83%/tháng), tổng cộng tiền lãi là 14.267.700 đồng nhưng được trừ căn số tiền lãi đã nhận là 5.400.000 đồng, còn lại là 8.867.700 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 41.867.700 đồng. Ngoài ra ông T không yêu cầu ai khác cùng ông T1 trả số tiền trên.

Bị đơn Nguyễn Anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Anh T1 theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nguyên đơn cũng đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Anh T1 tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy, việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa ông Trần T và ông Nguyễn Anh T1 là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Anh T1 đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn Nguyễn Anh T1 vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến trình bày hay giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Anh T1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, nguyên đơn ông Trần T yêu cầu ông Nguyễn Anh T1 trả cho chị Trần T vốn vay 33.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền vốn 23.000.000 đồng là 10.117.700 đồng (tính từ 29/12/2017 đến ngày 29/5/2022 là 53 tháng, lãi suất là 0,83%/tháng); tiền lãi của số tiền vốn 10.000.000 đồng là 4.150.000 đồng (tính từ 02/4/2018 đến ngày 02/6/2022 là 50 tháng, lãi suất là 0,83%/tháng), tổng cộng tiền lãi là 14.267.700 đồng nhưng được trừ căn số tiền lãi đã nhận là 5.400.000 đồng, còn lại là 8.867.700 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 41.867.700 đồng. Yêu cầu này được ông T chứng minh là có làm “ Giấy Biên nhận” được lập vào ngày 07/12/2017; 29/12/2017 và 02/3/2018 có chữ ký tên và ghi rõ họ tên của người mượn Nguyễn Anh T1 , với nội dung là Nguyễn Anh T1, sinh năm 1957, cư ngụ 21, KDC Khóm 2, tt Lai Vung , huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp có mượn của ông Trần T số tiền là 33.000.000 đồng thời hạn vay thỏa thuận miệng là đến ngày 02 tháng 4 năm 2018 sẽ trả số tiền vốn, lãi trên cho ông T, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, không có thế chấp tài sản. Đối với Bị đơn Nguyễn Anh T1 kể từ khi thụ lý vụ án này, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo luật định mà bị đơn Nguyễn Anh T1 vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có văn bản ghi ý kiến trình bày hoặc phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn Trần T hoặc yêu cầu phản tố đối trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu của nguyên đơn Trần T. Điều đó thể hiện là bị đơn Nguyễn Anh T1 đã tự từ bỏ quyền phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn Trần T hoặc yêu cầu phản tố đối trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu của nguyên đơn Trần T. Do đó, xét yêu cầu của Thạch là chính đáng, đúng pháp luật, nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử cần buộc Nguyễn Anh T1 trả cho Trần T số tiền vốn và lãi là có căn cứ, phù hợp với Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Tại Điều 463 Bộ luật dân sự có ghi:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự có ghi:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Từ những nhận định phân tích trên nên chấp nhận yêu cầu của ông Trần T buộc ông Nguyễn Anh T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vốn vay 33.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền vốn 23.000.000 đồng là 10.117.700 đồng (tính từ 29/12/2017 đến ngày 29/5/2022 là 53 tháng, lãi suất là 0,83%/tháng); tiền lãi của số tiền vốn 10.000.000 đồng là 4.150.000 đồng (tính từ 02/4/2018 đến ngày 02/6/2022 là 50 tháng, lãi suất là 0,83%/tháng), tổng cộng tiền lãi là 14.267.700 đồng nhưng được trừ căn số tiền lãi đã nhận là 5.400.000 đồng, còn lại là 8.867.700 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 41.867.700 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quy định về nghĩa vụ chịu án phí.

Ông Nguyễn Anh T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, lệ phí tòa án theo quy định tại điểm đ khoản 1, điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 335, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần T.

2. Buộc ông Nguyễn Anh T1 có nghĩa vụ trả cho ông Trần T số tiền vốn vay 33.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền vốn 23.000.000 đồng là 10.117.700 đồng (tính từ 29/12/2017 đến ngày 29/5/2022 là 53 tháng, lãi suất là 0,83%/tháng); tiền lãi của số tiền vốn 10.000.000 đồng là 4.150.000 đồng (tính từ 02/4/2018 đến ngày 02/6/2022 là 50 tháng, lãi suất là 0,83%/tháng), tổng cộng tiền lãi là 14.267.700 đồng nhưng được trừ căn số tiền lãi đã nhận là 5.400.000 đồng, còn lại là 8.867.700 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 41.867.700 đồng (Bốn mươi một triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Ông Nguyễn T1 phải chịu 2.093.000 đồng (Hai triệu, không trăm chín mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do ông Nguyễn T1 thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, lệ phí tòa án theo quy định tại điểm đ khoản 1, điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên ông Nguyễn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần T

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (09/6/2022). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Nhung